

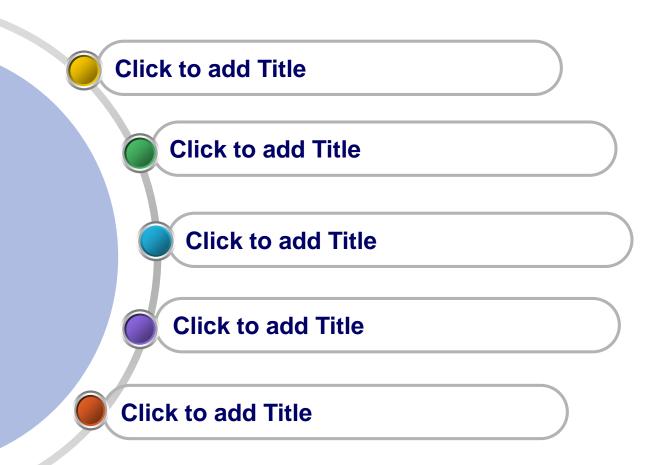
GV: Phạm Thi Vương

Tài liệu tham khảo

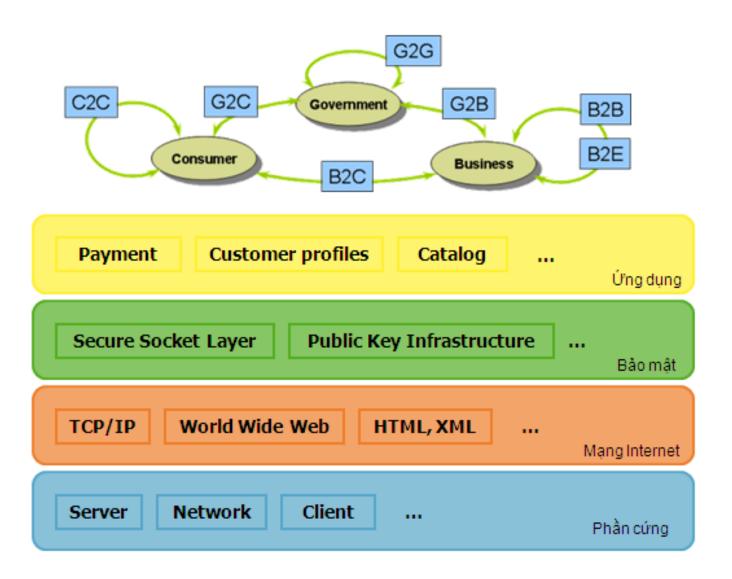
Bài giảng được tham khảo chính từ:

- Bài giảng Thương mại điện tử ThS Lê Thị
 Nhàn ĐH KHTN
- Bài giảng Thương mại điện tử TS Vũ Thanh
 Nguyên ĐH CNTT

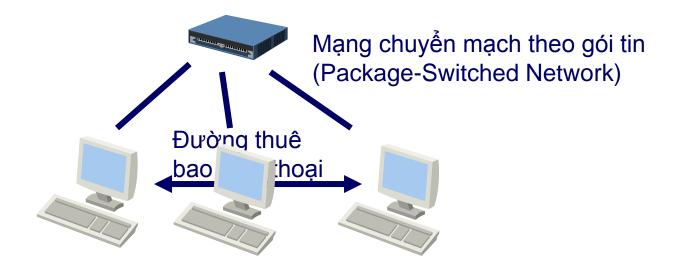
Contents

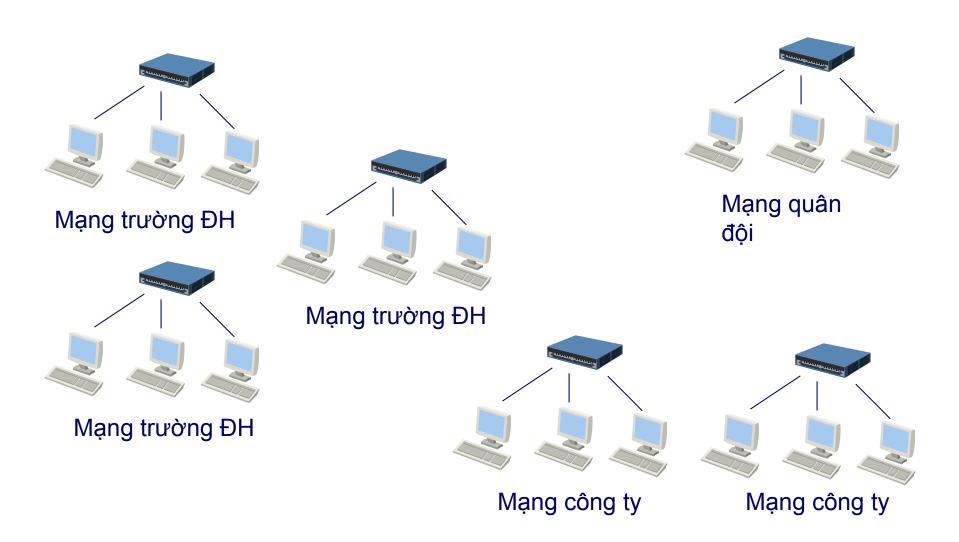


Giới thiệu



Internet





❖ Internet là gì?

- Internet là mạng máy tính bao gồm nhiều mạng của các tổ chức, quốc gia trên toàn thế giới
- Internet là mạng máy tính lớn nhất thế giới hay
 Internet là mạng của các mạng (network of networks)
- Internet sử dụng giao thức có tên TCP/IP để kết nối và truyền dữ liệu giữa các máy tính

Giao thức Internet:

- TCP/IP (Transmission Control Protocol/ Internet Protocol)
 là 2 giao thức chính của Internet
- Công việc của IP là chuyển dữ liệu thô các packet từ nơi này tới nơi khác
- Công việc của TCP là quản lý dòng chảy và đảm bảo rằng dữ liệu là đúng

*Tên miền và địa chỉ IP

- Tên miền là tên duy nhất trên Internet nhằm thể hiện tên riêng của một tổ chức hay cá thể Ví dụ: microsoft.com, goodsonlines.com...
- Mọi tên miền đều phải được đăng ký
- Tên miền quốc tế và tên miền VN

*Tên miền và địa chỉ IP

- Mỗi website hiện hữu và được lưu trữ trên Internet có một địa chỉ duy nhất, gọi là địa chỉ IP
 - Địa chỉ IP dạng: x.x.x.x, trong đó $x = \{0...255\}$
- Tên miền sẽ ánh xạ một địa chỉ IP thành một tên thân thuộc, dễ nhớ hơn

Ví dụ: www.google.com ánh xạ tới IP: 173.194.38.135

Tổ chức tên miền

- Hệ thống tên miền là dạng cơ sở dữ liệu phân tán, phân cấp, bao gồm:
 - Tên miền cấp đỉnh (Top level domain): Là tên miền dưới nút gốc. Ví dụ: .com, .org, .vn
 - Tên miền cấp 2. Ví dụ: .edu.vn, .com.vn
 - Tên miền cấp 3. Ví dụ: .ctu.edu.vn, .thanhnien.com.vn

Phân loại tên miền

*Tên miền dạng tổ chức

- ".com" (commercial): lĩnh vực thương mại
- ".edu.vn" (education): lĩnh vực giáo dục
- ".gov.vn" (governmnet): chính phủ
- ".org" (Organization): các tổ chức
- ".mil" (miltary) cho lĩnh vực quân sự
- ".net" (network): các mạng

Phân loại tên miền

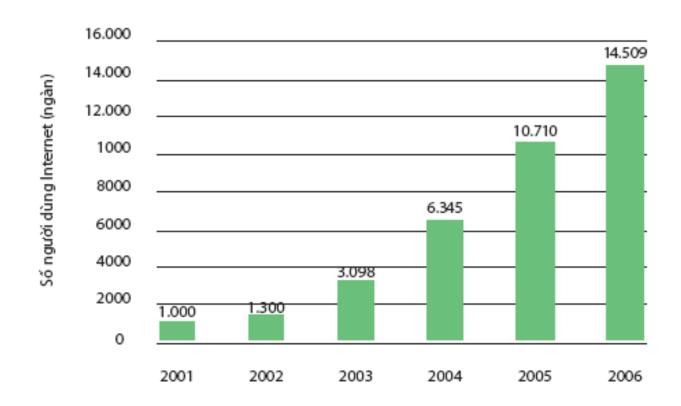
- *Tên miền dạng địa lý
 - .vn: Việt Nam
 - .us: United State
 - .be: Belgium
 - .th: Thailand
 - .sg: Singapore

Thị trường dịch vụ Internet

- Phát triển theo xu hướng đa dạng hoá và chia sẻ thị phần đồng đều hơn giữa các nhà cung cấp
- *Xu hướng tập trung vẫn còn tương đối cao
- ❖Bốn nhà cung cấp hàng đầu nắm giữ
 - 92% thị trường Internet
 - 98% thị trường Internet băng thông rộng

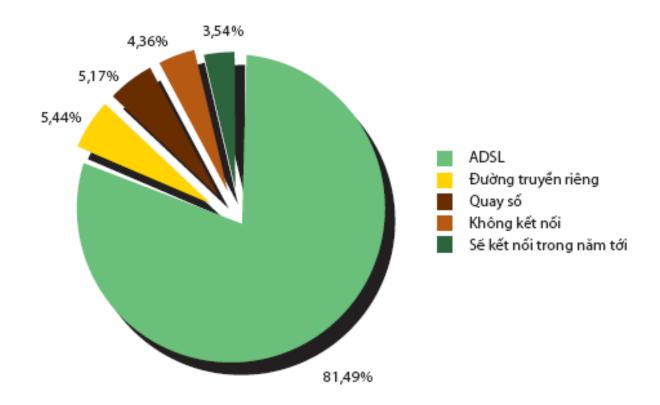
Thứ hạng 2006	Nhà cung cấp	Thị phần 2006 (%)	Thị phần 2005 (%)	Thị phần 2004 (%)	Thị phần 2003 (%)
1	VNPT	42,79	46,72	58,83	66,92
2	FPT Tel	19,66	27,65	22,65	20,68
3	Viettel	15,33	9,68	2,53	1,09
4	EVNTel	14,29	-	-	-
5	SPT	5,02	7,06	7,15	3,49
6	NetNAM	2,06	6,67	7,04	6,32

Các nhà cung cấp dịch vụ Internet lớn nhất Việt Nam - Nguồn: Trung Tâm Internet Việt Nam (VNNIC) tháng 12/006, www.vnnic.net.vn



Phát triển người dùng Internet 2001 – 2006 Việt Nam - Nguồn: Trung Tâm Internet Việt Nam (VNNIC) tháng 12/006, www.vnnic.net.vn

Thương mại điện tử



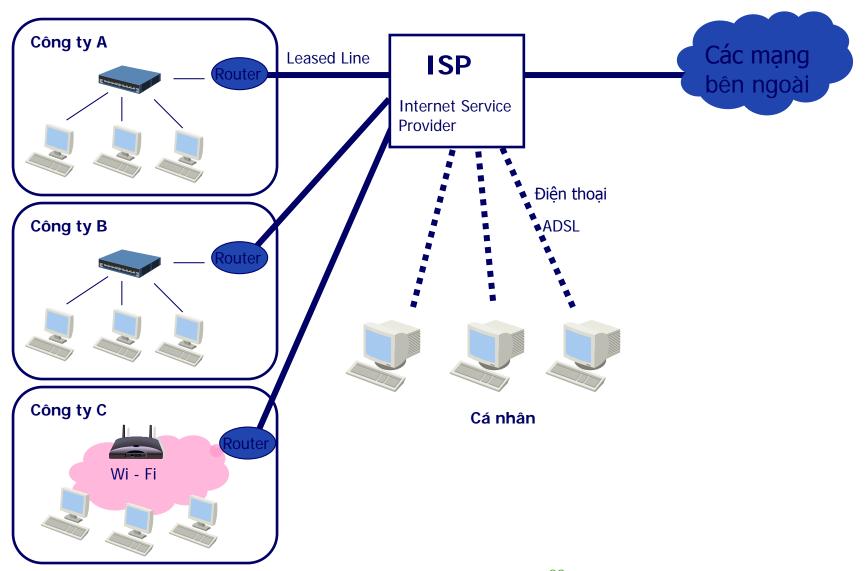
Hình thức truy cập Internet của doanh nghiệp - Nguồn: Báo cáo thương mại điện tử Việt nam 2006 của Bộ Thương mại

Nước	Dân số	Số sử dụng	Tỷ lệ %
Singapore	4,225,000	2,100,000	49.70%
Malaysia	24,000,000	8,629,000	35.95%
Brunei	362,000	35,000	9.67%
Thailand	63,300,000	6,031,000	9.53%
Philippines	81,500,000	3,500,000	4.29%
Vietnam	81,000,000	3,500,000	4.32%
Indonesia	231,340,000	8,000,000	3.46%
Lao	5,921,000	15,000	0.25%
Cambodia	13,124,000	30,000	0.23%
Myanmar	51,000,000	28,000	0.05%

Internet ở các nước ASEAN - Nguồn: Trung Tâm Internet Việt Nam (VNNIC) tháng 12/006, www.vnnic.net.vn

Quản lý Internet

- ❖Internet không thuộc quyền quản lý của bất kỳ ai.
- Không có tổ chức nào chịu trách nhiệm về toàn bộ Internet
- *Hiệp hội Internet (Internet Socity ISOC) là hiệp hội tự nguyện có mục đích phát triển khả năng trao đổi thông tin dựa vào công nghệ Internet
 - Hiệp hội có trách nhiệm đưa ra các hướng dẫn về kỹ thuật cũng như phương hướng để phát triển Internet



Nhà cung cấp dịch vụ Internet

- **❖ ISP (Internet Service Provider): nhà cung cấp dịch vụ Internet**
 - VNPT, FPT, Viettel, SaigonNet, NetNam,...
- * IAP (Internet Access Provider): nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet
 - ISP phải đăng ký với IAP để kết nối quốc tế
 - IAP làm ISP: VNPT
- **❖ ICP (Internet Content Provider): nhà cung cấp nội** dung Internet
 - Cơ quan thông tấn báo chí, các tổ chức doanh nghiệp, chính phủ,...

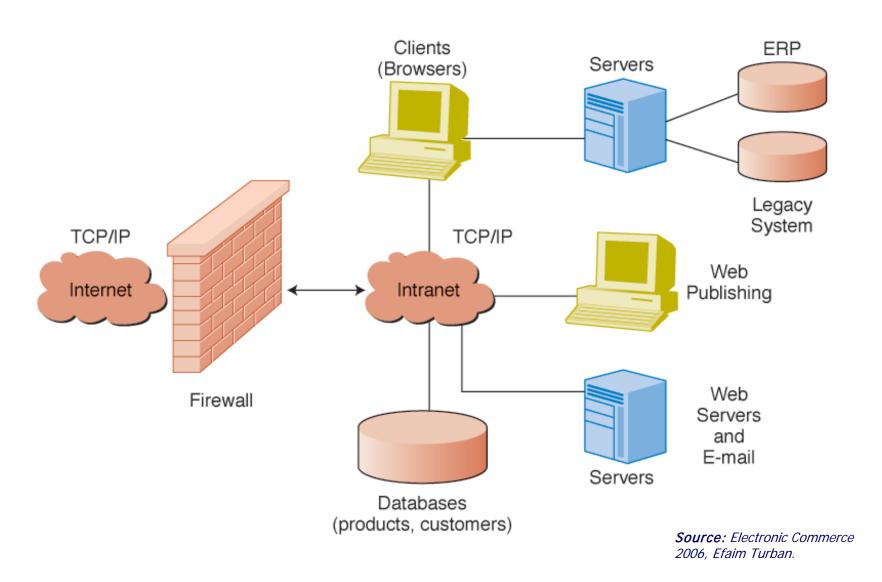
Nhà cung cấp dịch vụ Internet

- **❖Domain Name Provider: cấp phát tên miền** Internet
 - Nguyên tắc: ai đăng ký trước được trước
 - Tên miền không thể trùng nhau
 - VNNIC (Vietnam Internet Network Information Center) cấp tên miền .vn
- **Server Space Provider: cho thuê máy chủ lưu trữ website hosting**

Mạng nội bộ

- Ngoài mạng internet, các công ty còn xây dựng 1 mạng riêng gọi là intranet
 - Phục vụ các hoạt động nội bộ trong công ty
 - Tìm và truy xuất tài liệu
 - Chia sẻ thông tin và tri thức
 - Phân phối phần mềm
 - Đào tạo nhân viên
 - Xử lý giao dịch
 - Triển khai các dịch vụ mạng
 - Mail, FTP, Telnet, WWW...
 - Thường có firewall

Mạng nội bộ (tt)

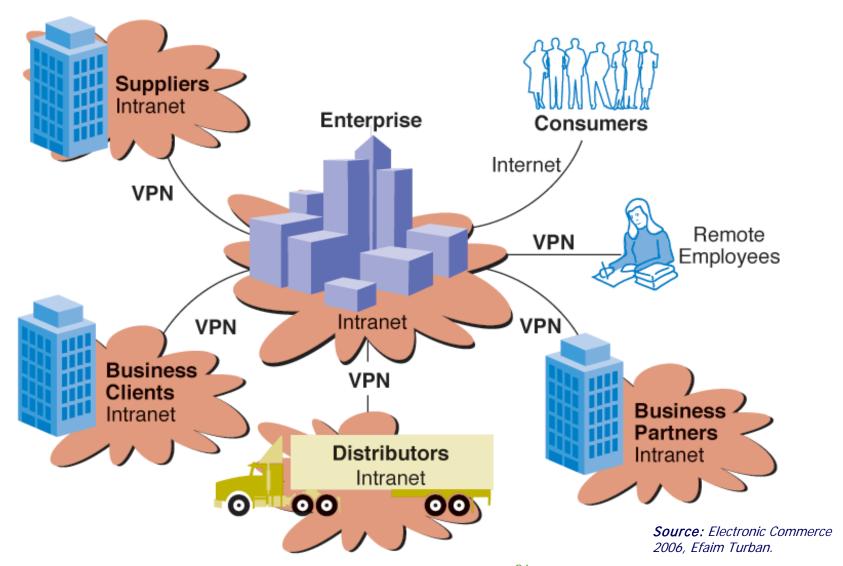


Mạng nội bộ mở rộng

- Là mạng nội bộ cung cấp một số dịch vụ mạng cho
 - Nhà cung cấp
 - Đối tác
 - Khách hàng
- Nguyên lý tạo đường ống (tunneling principle)
 - Lease line
 - VPN (Virtual Private Network)

.5

Mạng nội bộ mở rộng (tt)



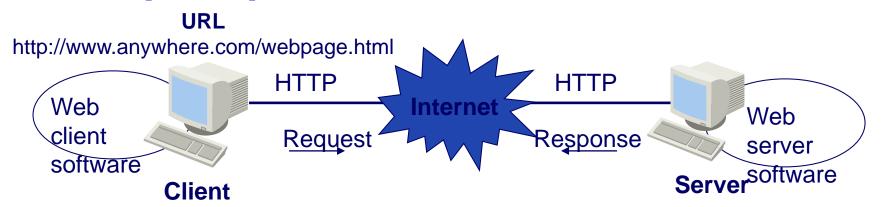
WWW

Mang Internet không chỉ cho phép

- Gửi/nhận thư điện tử
- Truyền tập tin
- Truyền dữ liệu

mà còn cho phép truy xuất thông tin hiệu quả

→ dịch vụ World Wide Web



- Năm 1990, Tim Berners-Lee của CERN (the European Laboratory for Particle Physics Phòng nghiên cứu Vật lý Hạt nhân Châu Âu) phát minh ra WWW
- *Các tổ chức, cá nhân khác tiếp tục phát minh ra nhiều ứng dụng, giao thức cho WWW với các ngôn ngữ lập trình, trình duyệt trên các hệ điều hành khác nhau

- World Wide Web viết tắt là WWW hay gọi ngắn gọn là Web
- * Web là một dịch vụ của Internet
- ❖ Nó bao gồm hàng triệu các website, mỗi website được xây dựng từ nhiều trang web
- *Web chứa thông tin bao gồm văn bản, hình ảnh, âm thanh và thậm chí cả video được kết hợp với nhau
- * Web cho phép ta có thể "chui" vào mọi ngõ ngách trên Net

❖ Website là gì?

- Website, hoặc Web site (viết tắt là site) là một tập hợp trang web, thường chỉ nằm trong một tên miền
- Website là tập hợp những trang web được liên kết với nhau theo một cấu trúc
- Các trang web được liên kết bằng những siêu kết nối (hyperlinks)
- Người ta thường dùng ngôn ngữ HTML (Hyper Text Tranfer Protocol)
- Để đọc trang web người ta sử dụng các trình duyệt web (browser) như Internet Explorer, FireFox...

WWW (tt)

Tài liệu trên web được gọi là siêu văn bản gồm

- Văn bản (text)
- Hình ảnh, âm thanh, phim
- Liên kết (link)

***HTML**

Script, CSS (Cascading Style Sheets)

*XML

XSL (Extensible Stylesheet Language)

31

WWW (tt)

❖Đặc điểm

- Siêu phương tiện truyền thông
- Phân tán
- Tương tác
- Không phụ thuộc vào nền tảng hệ thống (flatform)
- Có khả năng kết hợp với nhiều phương tiện truyền thông

32

Trang chủ (homepage)

- Là trang đầu tiên hiện lên màn hình sau khi gõ địa chỉ website vào khung Address của trình duyệt web
- Mỗi một trang Web sẽ có một địa chỉ gọi là URL (Uniform Resource Locator)
- * Kích thước của trang web

Internet2

Internet hiện nay có nhiều vấn đề

- Truyền dữ liệu thời gian thực
 - Truyền video, audio trên Internet
- Không an toàn (virus)
- Spam gây tốn băng thông, thời gian và tiền bạc
- Khó chống các kiểu tấn công từ chối dịch vụ (DoS)
- Không vẽ được kiến trúc Internet hiện tại một cách đầy đủ

34

*Xu hướng phát triển mạng gần đây

- Mang không dây (wireless networks)
- Mang cam bién (sensor networks)
- Mạng của các thiết bị tín hiệu khác
 - PDA, đồng hồ đeo tay, đồ dùng trong nhà...

→ Thiết kế TCP/IP không phù hợp

)

- Hiệp hội các trường ĐH về phát triển Internet cao cấp (UCAID), các nhà nghiên cứu và viện hàn lâm
 - Nghiên cứu làm lại Internet, bắt đầu 1996
 - Internet2.edu

Úng dụng

- Đào tạo từ xa
- Hoạt động kinh doanh
 - Dữ liệu dạng 3D trong thị trường chứng khoán
 - Thử ôtô trước khi sản xuất
 - Tiếp cận khách hàng bằng cách trình diễn video

Internet2 (tt)

Mạng truyền thông tin siêu tốc

- Tốc độ nhanh (10gigabit/giây)
- Có khả năng truyền dữ liệu âm thanh, hình ảnh một cách nhanh chóng và tin cậy

Công nghệ

- Đa truyền thông (multicast)
- Phục vụ có chọn lọc (diffserve)
 - Dữ liệu phải được chuyển đến đích và không bị gián đoạn
 - Đưa ra các mức độ ưu tiên cho các gói



Stream

(dòng) A

Internet2 (tt)

Internet2 cũng chỉ mới

- Mở rộng không gian địa chỉ (IPv6)
- Úng dụng được kiểu truyền multicast

Có nhiều tổ chức khác cùng mục đích

- vBNS (very-high-performance Backbone Net Service) của Viện khoa học quốc gia Mỹ
- ESnet của Bộ năng lượng Mỹ
- NGI (Next Generation Internet) của Nhà Trắng

Semantic Web

Xét một ví dụ

- Tìm kiếm thành phố Sài Gòn
- Cần những tài liệu đề cập đến Sài Gòn là một thành phố
- Không phải các tài liệu nói về
 - Đội bóng Cảng Sài Gòn
 - Xí nghiệp may Sài Gòn
 - Công ty du lịch Sài Gòn
 - Báo Sài Gòn giải phóng

- Hiện nay thông tin trên Web được biểu diễn dưới dạng văn bản thô
 - Chỉ có con người đọc hiểu được
 - Phân tích ý nghĩa của dữ liệu
 - Phân tích sự liên quan của các dữ liệu với nhau
- Làm thế nào để khai thác thông tin hiệu quả và chính xác hơn
 - Máy tính có thể "hiểu" thông tin trên các tài liệu Web
- → Web có ngữ nghĩa ra đời

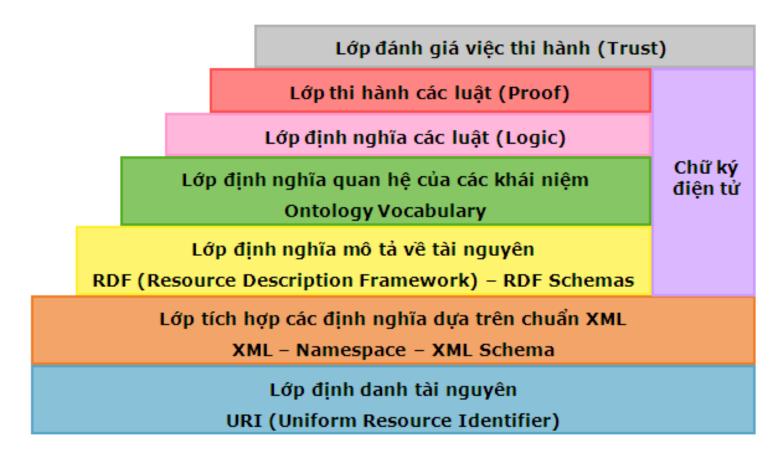
Định nghĩa (Tim Berners Lee)

- Là một mở rộng của Web hiện tại mà trong đó thông tin được xác định ý nghĩa tốt hơn, cho phép con người và máy tính cộng tác với nhau
 - Phương pháp cho phép định nghĩa và liên kết dữ liệu một cách có nghĩa hơn nhằm phục vụ cho máy tính hiểu được
 - Môi trường chia sẻ và xử lý dữ liệu tự động bằng máy tính

⇔Giải quyết

- Mô tả chi tiết cho dữ liệu
 - Sài Gòn là một thành phố của nước Việt Nam
 - Thành phố Sài Gòn trực thuộc trung ương
- Mối liên hệ giữa các tài liệu
 - Tài liệu nói về thành phố Sài Gòn
 - Tài liệu nói về thành phố Hồ Chí Minh

Kiến trúc



Úng dụng

- Search Engine
 - Activity Based Search của trường ĐH Stanford
 - Spice
- Khung hoạt động cho quản lý tri thức
- Internet Agent

HTML và công cụ thiết kế web

- ❖ HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ dùng để xây dựng trang web
- ❖ Mô tả cách thức hiển thị dữ liệu thông qua các ký hiệu đánh dấu gọi là thẻ (tag)
- * Các thẻ cơ bản định nghĩa một trang HTML

```
<HTML>
<HEAD>

<TITLE>Tiêu đề trang web</TITLE>
</HEAD>
<BODY>

Nội dung trang web

</BODY>
</HTML>
```

HTML và công cu thiết kế web

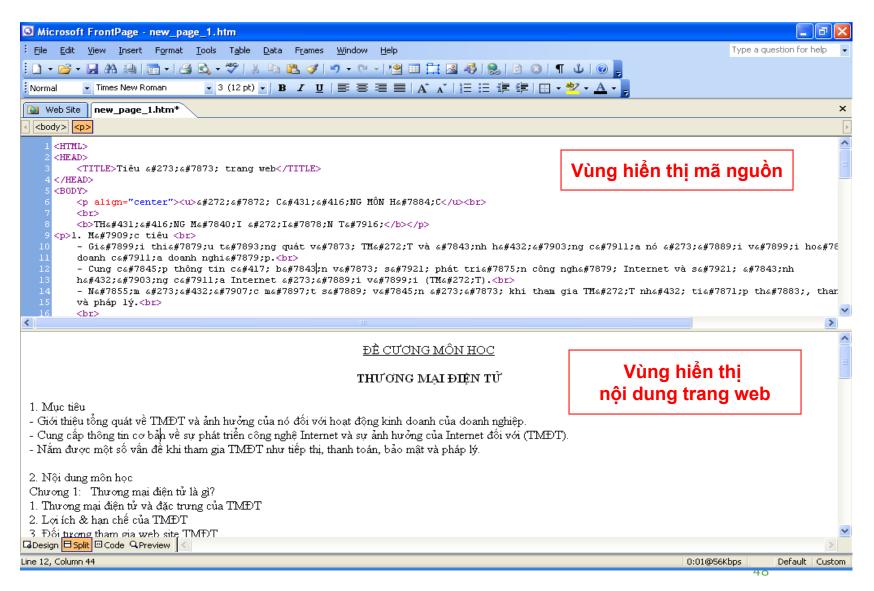
- ❖ <HTML> </HTML>: Định nghĩa phạm vi của văn bản HTML
- ❖ <HEAD> </HEAD>: Định nghĩa các mô tả về trang HTML
- ❖ <TITLE> </TITLE>: Mô tả tiêu đề trang web
- ❖ <BODY> </BODY>: Xác định vùng "thân" của trang web
- ❖ Một số thẻ thông thường gồm 2 thành phần: tên của thẻ (dùng để cho biết thẻ này định nghĩa cái gì) và thuộc tính của thẻ (dùng để cho biết dữ liệu được hiển thị như thế nào)

Ví dụ: Thẻ định dạng phông chữ kiểu Arial và kích thước là 2

HTML và công cu thiết kế web

- ❖ Một số công cụ thiết kế website thông thường:
 - MS. Frontpage 2000
 - Dreamweaver MX
 - •

HTML và công cu thiết kế web



Công nghệ hỗ trợ phát triển web

⋄Mô hình client/server

- Các ứng dụng trên nền web thường dựa trên kiến trúc 2 lớp là client/ server
- Để đảm bảo an toàn dữ liệu, người ta đưa ra mô hình 3 lớp, trong đó, lớp server sẽ được tách thành web server (máy chủ xử lý ứng dụng web) và database server (máy chủ quản lý thông tin trong CSDL).

Công nghệ hỗ trợ phát triển web

Các ngôn ngữ phát triển ứng dụng web

- Các ứng dụng web có thể được viết bằng ngôn ngữ HTML (web tĩnh)
- Hoặc kết hợp với các ngôn ngữ lập trình web để thực hiện các yêu cầu xử lý và truy xuất dữ liệu, để trả về trang web có nội dung thay đổi tùy theo đối tượng và hoàn cảnh (web động)
- Các ngôn ngữ script có thể là : CGI, Perl, ASP, VBScript, PHP (theo cú pháp ngôn ngữ C++), JSP, JavaScript (dựa trên ngôn ngữ Java)...
- Các công nghệ mới như: Java Bean, Java Applet, Dot Net,... sử dụng ngày càng nhiều trong lập trình web

Công nghệ hỗ trợ phát triển web

❖Cơ sở dữ liệu & ứng dụng web

- Các ứng dụng web đều đòi hỏi kết nối với một
 CSDL để lưu trữ các thông tin cập nhật
- Có rất nhiều hệ quản trị CSDL phổ biến hiện nay như là: Access, Foxpro, SQL Server, MySQL, Oracle, DB2...
- Các hệ QTCSDL quan hệ này đều có 2 chức năng cơ bản:
 - Tổ chức lưu trữ dữ liệu: dưới dạng 1 bảng (table), gồm các cột (field) và các dòng (record)
 - Truy vấn dữ liệu: sử dụng ngôn ngữ SQL
- Khái niệm: Data warehouse, data mining

Một số giao thức trên Internet

- * SMTP (Simple Message Transfer Protocol): Giao thức truyền thông điệp đơn giản
- ❖ POP3 (Post Office version 3): Giao thức nhận thư phiên bản 3
- * HTTP (Hyper Text Transfer Protocol): Giao truyền nhận siêu văn bản (trang Web)
- * FTP (File Transfer Protocol): Giao thức truyền tập tin
- * Telnet: Giao thức truy cập từ xa

Moodle (http://moodle.org)



Website môn học Khoa CNTT ĐH Khoa học Tư Nhiên ĐH Quốc gia TP.HCM

Website môn học của Khoa CNTT - DHKHTN - DHQG TP.HCM Lich tháng ba 2009 Hai Ba Tư Năm Sáu Bảy CN 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 30 31 Các thông điệp Không có thông điệp nào đợi Các thông điệp.

Phan Nguyệt Minh đã đẳng nhập (Đẳng xuất)

Vietnamese (vi) ▼

Cài đặt Moodle

♦ Chuẩn bị:

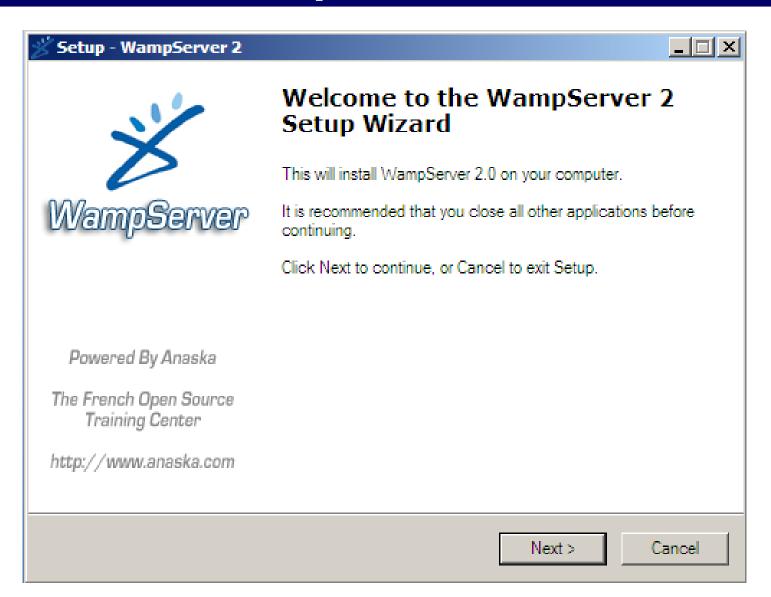
- Hardware
 - Disk space: 160MB free
 - Memory: 256MB
- Software
 - web server software: Apache, IIS
 - PHP scripting language
 - Database: MySQL
 - → WampServer 2.0f [12/16/08]
 - Moodle

WampServer 2.0f

http://www.wampserver.com/en/



WampServer 2.0f



WampServer 2.0f





Version 2.0 Version Française

Server Configuration

Apache Version: 2.2.11

PHP Version: 5.2.8

Loaded Extensions: hbcmath

MySQL Version: 5.1.30

in filter
in odbc
in standard
in SPL

napache2handler

pDO PDO

tokenizer wddx

calendar

🌲 ftp

pcre

 ndotnet 🛖 com_dotnet

🌲 hash

Reflection

🛊 zlib

mbstring
pdo_sqlite

ctype

a date

SimpleXML

mysql

session
json
libxml

dom
maken

🌲 mysqli

Tools

phpinfo()

🥟 phpmyadmin

🥜 sqlitemanager

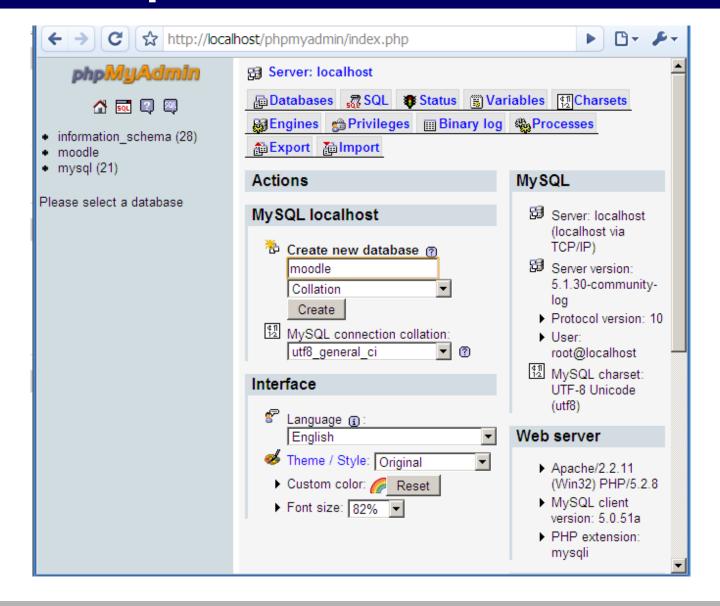
Your Projects

Your Aliases

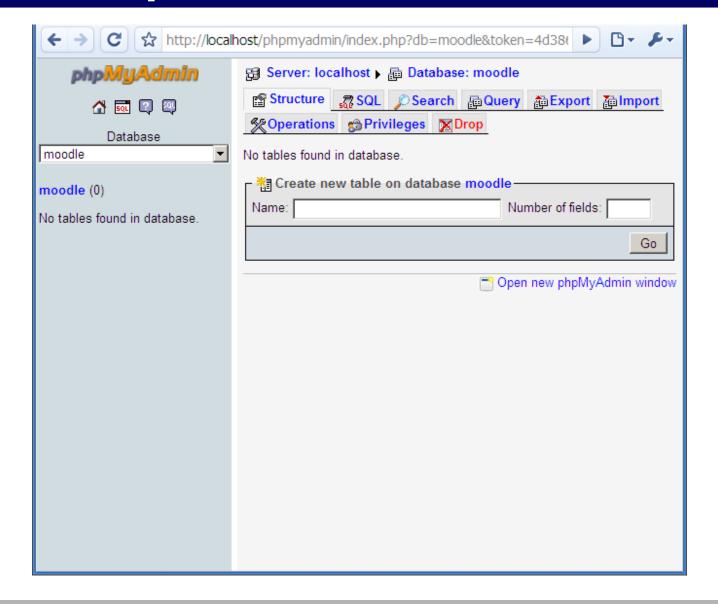
phpmyadmin

sqlitemanager

Tao database moodle



Tao database moodle



❖Copy toàn bộ vào \wamp\www





Installation

Checking your PHP settings ...

Your server should pass all these tests to make Moodle run properly

PHP version Pass

Session Auto Start Pass

Magic Quotes Run Time Pass

Insecure Handling of Globals Pass

Safe Mode Pass

File Uploads Pass

GD version Pass

Memory Limit Pass

« Previous

Next »



Previous

Installation

Please confirm the locations of this Moodle installation

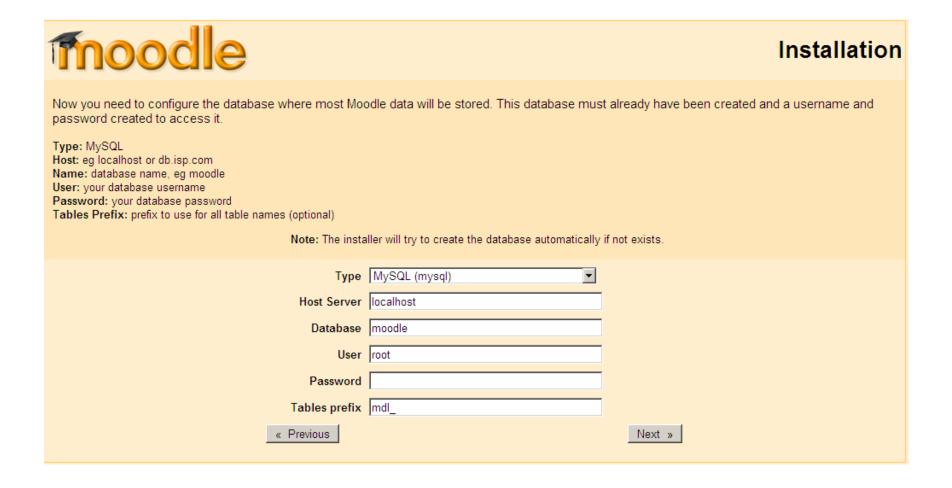
Web Address: Specify the full web address where Moodle will be accessed. If your web site is accessible via multiple URLs then choose the most natural one that your students would use. Do not include a trailing slash.

Moodle Directory: Specify the full directory path to this installation Make sure the upper/lower case is correct.

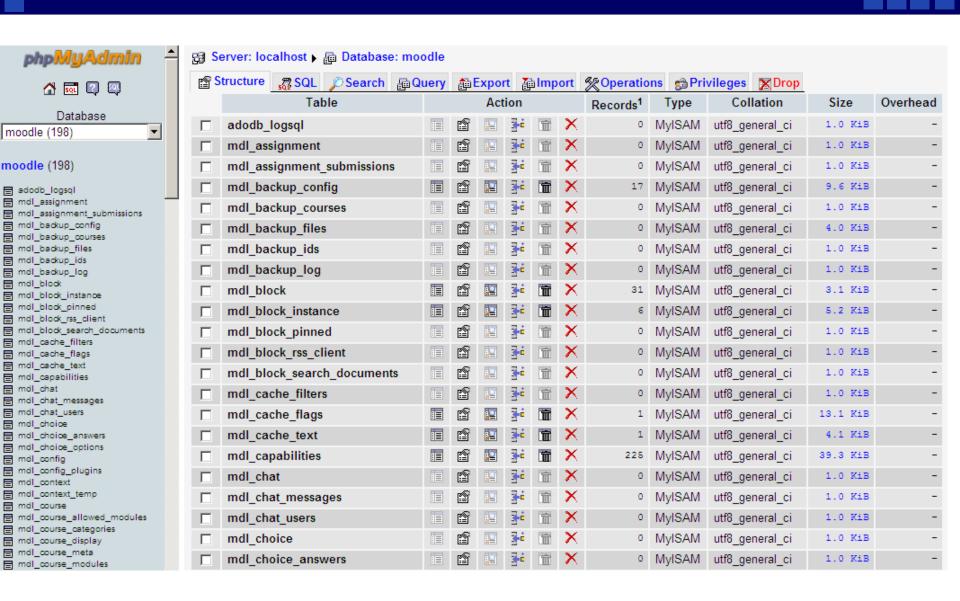
Data Directory: You need a place where Moodle can save uploaded files. This directory must be readable AND WRITEABLE by the web server user (usually 'nobody' or 'apache'), but it must not be accessible directly via the web.

Web address	http://localhost/moodle
Moodle Directory	D:\wamp\www\moodle
Data Directory	D:\wamp/moodledata

Next »

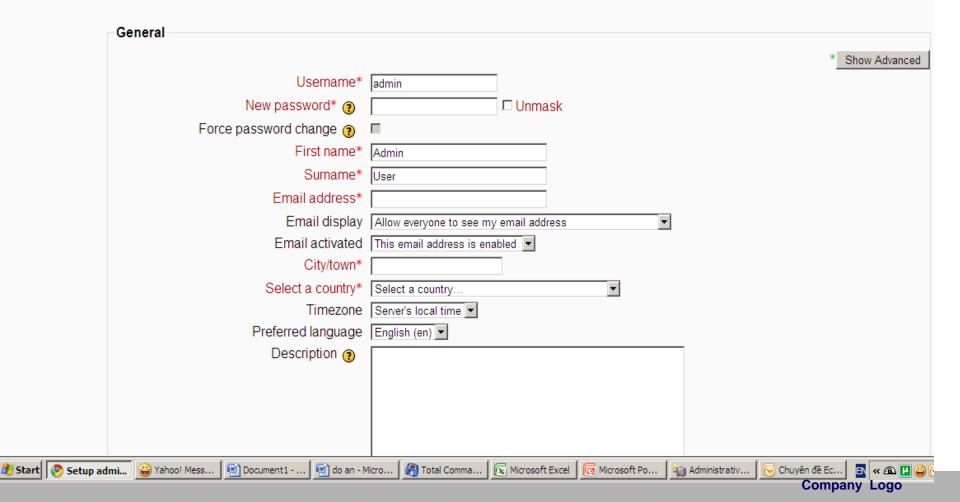


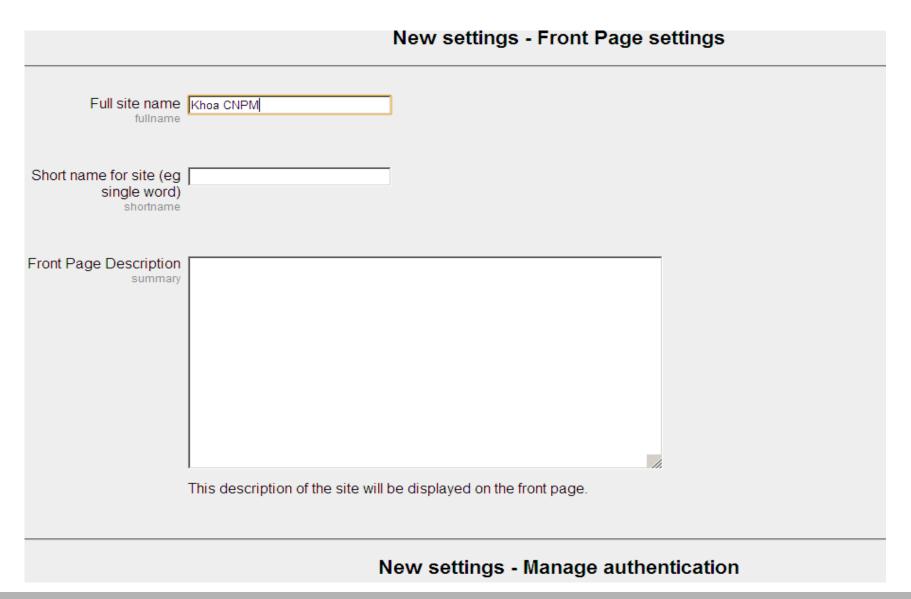
Moodle database



Setup administrator account

On this page you should configure your main administrator account which will have complete control over the site. Make sure you give it a secure username and password as well as a valid email address. You can create more admin accounts later on.





Finish

